

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 113/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2026
V/v ly hôn Nhi – Khá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc
Bà Nguyễn Thuý Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Bạch Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2026/TLST - HNGĐ ngày 12/03/2026 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị Yến N, sinh năm 1996.

Căn cước công dân số: 089196016821.

Trú tại: ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Đàm Văn K, sinh năm 1990.

Căn cước công dân số: 089090006966.

Trú tại: ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

(bà N xin vắng mặt và ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2026 nguyên đơn bà Huỳnh Thị Yến N trình bày:

Hôn nhân của bà N, ông K do tìm hiểu rồi thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh An Giang số 68, ngày 15/7/2016 (nay là UBND xã B, tỉnh An

Giang). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, ông K không quan tâm chăm sóc vợ con, tiền làm ra bao nhiêu cũng tiêu xài cá nhân, vợ chồng vì thế hay cãi nhau, sự việc kéo dài trong nhiều năm, tháng 08/2025 bà Yến N bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân không ai qua lại hỏi thăm cũng như có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Có hai người con chung tên Đàm Thị Mai T, sinh ngày 28/9/2017 và Đàm Duy T1, sinh ngày 05/5/2022 các con chung hiện đang sống chung bà N, khi ly hôn bà N yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn ý kiến yêu cầu nào khác. Ngày 07/4/2026 bà Huỳnh Thị Yến N có đơn xin xét xử vắng mặt và rút lại yêu cầu ông Đàm Văn K cấp dưỡng cho con.

Bị đơn ông Đàm Văn K vắng mặt từ khi Toà án thụ lý nên không có lời trình bày

Tài liệu do Toà án thu thập được: bà Đàm Thị T2 là chị họ và cũng là người sống gần nhà ông Đàm Văn K cho biết, bà Huỳnh Thị Yến N là vợ của K, khi Toà án gửi thông báo mời làm việc bà T2 có cho K biết việc N yêu cầu ly hôn, do K bận đi làm xa không về được, quá trình chung sống N, K thường xuyên cự cãi sự việc cụ thể như thế nào thì bà T2 không rõ, được biết N và K có hai người con chung đang chung sống với bà N, về tài sản chung nợ chung bà T2 không nắm rõ.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn bà N đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Đàm Văn K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N cho bà Huỳnh Thị Yến N được ly hôn với ông Đàm Văn K. Tại phiên hoà giải ngày 07/4/2026 bà Yến N xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng cho con, vì vậy HĐXX đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi ly hôn bà N yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung tên Đàm Thị

Mai T, sinh ngày 28/9/2017 và Đàm Duy T1, sinh ngày 05/5/2022 các con chung hiện đang sống chung bà N, ông K vắng mặt không ý kiến về con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: bà Huỳnh Thị Yến N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà N yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông K nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã B, tỉnh An Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 12 theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án: bà N và ông K sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, được sự chấp thuận của gia đình nên cả hai đi đến hôn nhân năm 2016 có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68, ngày 15 tháng 7 năm 2016 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông K, bà N chung sống vợ chồng nhưng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm khoản tháng 8 năm 2025 bà N bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống, vợ chồng ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân không ai qua lại hỏi thăm hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà N xin ly hôn với ông Đàm Văn K.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”. Thế nhưng vợ chồng ông K, bà N không còn chung sống khoảng hơn 09 tháng nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Huỳnh Thị Yến N được ly hôn ông Đàm Văn K.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Đàm Thị Mai T, sinh ngày 28/9/2017 và Đàm Duy T1, sinh ngày 05/5/2022, bản tự khai ngày 07/4/2026 cháu

T có nguyện vọng sống chung với mẹ, khi ly hôn bà N yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, ông K vắng mặt không ý kiến về con chung, vì thế HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] bà N trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: bà Huỳnh Thị Yến N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244, Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đ a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Yến N.

Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Yến N được ly hôn ông Đàm Văn K.

Về con chung: Đình chỉ về yêu cầu cấp dưỡng cho con của bà Huỳnh Thị Yến N. Giao 02 con chung tên Đàm Thị Mai T, sinh ngày 28/9/2017 và Đàm Duy T1, sinh ngày 05/5/2022 cho bà Huỳnh Thị Yến N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đang sống chung bà N, ông Đàm Văn K không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà Huỳnh Thị Yến N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 302670 ngày 11/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Huỳnh Thị Yến N không phải nộp thêm án phí.

Ông Đàm Văn K không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông K, bà N vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS nhân dân Khu Vực 12;
- UBND xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (nay là UBND xã Bình Thạnh Đông, tỉnh An Giang);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo